

— Tích lũy vốn cho xí nghiệp,
 — Phúc lợi cho công nhân, viên chức,
 — Trả lãi cho cổ phần công và tư.
 • Tỷ lệ của những khoản trên đây sẽ tùy tình hình cụ thể của từng xí nghiệp do hai bên công và tư thương lượng thỏa thuận, và phải được Ủy ban Hành chính khu, thành hoặc tỉnh xét duyệt.

Điều 17. — Quyết toán hàng năm và phương án chia lãi của xí nghiệp công tư hợp doanh phải được cơ quan phụ trách quản lý xí nghiệp công tư hợp doanh cấp khu, thành, tỉnh xét duyệt mới thi hành.

Điều 18. — Tiền lãi của cổ phần tư nhân do Ban Giám đốc của xí nghiệp công tư hợp doanh trả cho cổ đông tư nhân. Phần lãi của Chính phủ thì nộp vào công quỹ.

Tiền tích lũy vốn dùng để tăng thêm vốn hoạt động, phát triển kinh doanh, mua sắm thêm thiết bị cho xí nghiệp, hoặc để góp vốn vào một xí nghiệp công tư hợp doanh khác.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN PHỤ

Điều 19. — Ngoài những điều đã quy định trong bản điều lệ này, khi thi hành, nếu thấy điều gì cần quy định thêm trong phạm vi không trái với chính sách và bản điều lệ này, thì hai bên công và tư có thể thương lượng để quy định thêm, và đề nghị lên Ủy ban Hành chính khu, thành, tỉnh xét duyệt.

Điều 20. — Bản điều lệ này áp dụng cho tất cả các cơ sở công tư hợp doanh thuộc các ngành công nghiệp, thương nghiệp, phục vụ, ăn uống, vận tải.

Ban hành kèm theo nghị định số 420-TTg
ngày 27 tháng 11 năm 1959

Hà Nội, ngày 27-11-1959.
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

THÔNG TƯ số 437/TTg ngày 7-12-1959
ban hành bản phương án quy định
phương pháp căn bản điều tra tính
toán sức mua và các biểu mẫu tính
sức mua hàng năm.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Kính gửi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,
Bộ Nội thương,
Cục Thống kê trung ương,
Ủy ban Hành chính các khu,
thành phố, tỉnh.

Đồng kinh gửi: Các Bộ: Quốc phòng, Tài chính,
Giao thông Bưu điện, Lao động,
Ngân hàng Quốc gia Việt nam.

Xét đề nghị số 404-CTK/TW ngày 21-11-1959 của Cục Thống kê trung ương, căn cứ vào yêu cầu thực tế của công tác nghiên cứu của các ngành kinh tế liên quan ở trung ương và địa phương.

Thủ tướng Chính phủ ban hành chính thức bản phương án quy định phương pháp căn bản điều tra tính toán sức mua và các biểu mẫu tính sức mua hàng năm kèm theo công văn này và quyết định:

— Giao trách nhiệm cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Nội thương và Cục Thống kê trung ương phối hợp đề tính sức mua hàng năm, do Cục Thống kê trung ương chủ trì.

— Giao trách nhiệm cho Ủy ban Hành chính các khu, thành phố, tỉnh trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc điều tra tính sức mua hàng năm của địa phương mình và sau khi điều tra tính toán xong, gửi đầy đủ các biểu mẫu báo cáo cho Cục Thống kê trung ương để Cục Thống kê trung ương nghiên cứu kiểm tra và tổng hợp kịp thời trình lên Chính phủ đúng thời hạn đã quy định.

— Các Bộ Nội thương, Tài chính, Lao động, Giao thông Bưu điện, Quốc phòng, Ngân hàng quốc gia Việt-nam và các Bộ có liên quan khác theo yêu cầu của Cục Thống kê trung ương, có trách nhiệm cung cấp tài liệu và phối hợp với Cục Thống kê trung ương khi cần thiết.

Công tác tính sức mua là một công tác quan trọng, rất cần thiết cho việc lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch của địa phương và trung ương, đồng thời cũng là cơ sở tài liệu giúp cho các ngành kinh tế liên quan nghiên cứu. Vì vậy, Cục Thống kê trung ương, hàng năm, căn cứ tình hình thực tế, cần hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương tính toán và phối hợp với các ngành để công tác tính sức mua được kết quả tốt.

Các Ủy ban Hành chính các khu, thành, tỉnh hàng năm cần kết hợp công tác điều tra tính toán với công tác trung tâm của địa phương mình; khi thực hiện nên tránh bớt sự phiền phức ảnh hưởng đến sản xuất và công tác thường xuyên mà vẫn bảo đảm tốt kết quả tính toán.

Mong các Bộ có liên quan, các Ủy ban hành chính các địa phương hàng năm tích cực thực hiện để đạt kết quả tốt.

Hà Nội ngày 7 tháng 12 năm 1959

K.T Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHẠM HÙNG

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA,
TÍNH SỨC MUA HÀNG NĂM**
(*Tiến hành ở các khu, tỉnh và thành phố*)

I. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC TÍNH SỨC MUA

— Mục đích tiến hành thống kê điều tra sức mua là tính được mức tiền của dân cư (gồm cả dân cư thành thị và nông thôn) và của cơ quan, xí nghiệp (gồm cả xí nghiệp công và tư) trường học, tập đoàn xã hội, dùng để mua hàng hóa tiêu dùng cho sinh hoạt trên thị trường bán lẻ (đồng thời nắm được khối lượng của thị trường hàng năm) để làm cơ sở dựa cho việc lập kế hoạch lưu chuyển hàng hóa bán lẻ, để cho việc cung cấp hàng hóa bán lẻ được thích ứng với mức tiền dùng vào việc mua hàng hóa trong toàn xã hội.

— Việc tính sức mua còn có mục đích cung cấp tài liệu để làm căn cứ cho việc tính toán lập kế hoạch sản xuất hàng hóa cho phù hợp với nhu cầu trong toàn xã hội và lập kế hoạch lưu thông tiền tệ.

**II. NỘI DUNG SỨC MUA CỦA XÃ HỘI
VÀ BIỂU MẪU**

A. Nội dung sức mua của xã hội.

1. *Sức mua là gì?* Sức mua là mức tiền của dân cư thành thị nông thôn, và của cơ quan, đoàn thể xí nghiệp, trường học, các tập đoàn xã hội, dùng để mua tài liệu tiêu dùng (gồm cả tài liệu sản xuất mà nông dân và hợp tác xã mua để dùng vào sản xuất nông nghiệp) trên thị trường bán lẻ.

2. *Sức mua của toàn xã hội* là gồm sức mua của dân cư và sức mua của cơ quan, đoàn thể, trường học, xí nghiệp, các tập đoàn xã hội nói chung trong toàn xã hội.

3. *Sức mua của dân cư* là một bộ phận chủ yếu của sức mua toàn xã hội, nó là một phần trong tổng số thu nhập về tiền tệ của dân cư. Trong tổng số thu nhập về tiền tệ của dân cư: ngoài phần để mua hàng hóa ra, dân cư còn dùng một phần để chi dùng cho những thứ khác không phải là mua hàng hóa như văn hóa, phúc lợi hoặc để dự trữ.

Sức mua của dân cư và phần chi dùng cho những thứ khác không phải là mua hàng hóa (hoặc để dự trữ) của dân cư tạo nên toàn bộ nhu cầu về đời sống vật chất và văn hóa của dân cư.

4. *Sức mua lưu động* (thực chất vẫn là sức mua dân cư). Trong phạm vi một địa phương mà nói, sức mua lưu động là tổng số tiền của dân cư trong địa phương đó gửi hay mang ra địa phương khác, hoặc tổng số tiền của dân cư ở địa phương khác gửi hay mang vào trong địa phương đó để chi dùng vào việc mua hàng hóa bán lẻ. Nói cách khác là sức mua ở trong ra (-), và sức mua ở ngoài vào (+).

B. Các biểu mẫu tính sức mua.

1. Bản phương án này có 3 biểu mẫu tổng hợp:
 - a) Biểu mẫu chung về ước tính sức mua của tỉnh (thành phố hoặc khu) tức là biểu tòng hợp I.
 - b) Biểu cần đổi thu chi tiền tệ của dân cư tỉnh (thành phố hoặc khu) tức là biểu tòng hợp II.
 - c) Biểu tòng hợp về sức mua hàng bán lẻ của các cơ quan, đoàn thể, trường học, xí nghiệp, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, công tư hợp doanh... trong tỉnh (thành phố hoặc khu) tức là biểu tòng hợp III.

2. Các biểu tinh sẽ ban hành tùy theo tình hình thay đổi cụ thể từng năm, kèm theo bản hướng dẫn phương pháp tính toán để các địa phương tiến hành (không cần ghi cụ thể trong văn bản này).

**III. NGUỒN TÀI LIỆU, PHƯƠNG PHÁP
TÍNH TOÁN VÀ KIỂM TRA**

A. Nguồn gốc tài liệu Phương pháp tính toán khái quát của từng biểu

1. *Biểu tòng hợp I:* Ngoài việc dựa vào biểu tòng hợp sức mua của dân cư và sức mua của các cơ quan ở hai biểu tòng hợp II và III ra còn phải thu thập tài liệu về «sức mua lưu động».

Tài liệu về «sức mua lưu động», thu thập tương đối khó khăn và ít khi được đầy đủ nên chủ yếu dựa vào số liệu của các cơ quan Ngân hàng, bưu điện. Trong khi tính toán điều tra này, trừ những nơi nào có khả năng và có khối lượng «sức mua lưu động» tương đối lớn, nói chung các tỉnh có thể tạm thời không tính phần chênh lệch về tiền mang vào hoặc mang ra, mà chỉ tính con số chênh lệch về tiền gửi ra và tiền gửi vào do ngân hàng và bưu điện cung cấp.

Trong phạm vi toàn quốc sẽ do Cục Thống kê trung ương phối hợp với các Bộ có liên quan như Bộ Thương nghiệp, Bộ Tài chính (Thuế vụ) và Ngân hàng trung ương đề ước tính.

2. Biểu tòng hợp II:

a) PHẦN THU NHẬP:

1. Thu nhập về tiền lương của công nhân viên có thể thu thập theo dự toán hoặc quyết toán (tốt hơn hết là theo số quyết toán) về mức tiền lương phát ra của các ngành và các cơ quan chủ quản.

2. Thu nhập tiền tệ của dân cư nông nghiệp, lấy tài liệu thống kê về sản xuất nông nghiệp, thu mua của mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã kết hợp với điều tra diền hình, đồng thời phối hợp với các ngành có liên quan (chủ yếu là Ty Thương nghiệp, Chi sở thuế vụ, Ty Nông lâm, và Ban công tác nông thôn) để ước tính ra phần tiêu dùng, phần dự trữ và phần nông dân bán cho tư thương và trực tiếp bán ra thị trường bán lẻ. Việc ước tính phần này tương đối khó khăn và cũng rất là quan trọng, vì nông dân chiếm đại đa số trong dân cư, nếu ước tính không đúng dân số sẽ có những nhận định sai lệch nghiêm trọng.

3. Thu nhập của các hộ công thương nghiệp tư doanh: gọi chung các hộ công thương nghiệp tư doanh là bao gồm các hộ tư doanh của các ngành công nghiệp, thương nghiệp, ăn uống, phục vụ, giao thông vận tải, kinh doanh tư bản chủ nghĩa về nông nghiệp (như chuyên môn ấp vặt... không chịu thuế nông nghiệp), cho thuê nhà... Cần tính cả các hộ chịu thuế và miễn thuế:

— Nguồn gốc tài liệu này chủ yếu là dựa vào tài liệu của thuế vụ.

— Cách tính khai quát như sau: đối với các hộ có nộp thuế, căn cứ vào sổ iải, hoặc sổ doanh thu trong báo cáo thuế doanh nghiệp tư doanh của thuế vụ để tính suy rộng ra số thu nhập thuần túy của các hộ tư doanh. Đối với các hộ được miễn thuế có thể căn cứ vào sổ liệu của thuế vụ để tính, hoặc nếu xét những tài liệu ấy còn quá xa thực tế thì có thể tùy khả năng phối hợp với thuế vụ tiến hành điều tra ở một vùng để ước tính lại.

Riêng đối với các hộ công nghiệp tư bản tư doanh và thủ công nghiệp cả thè cần lấy thêm phần thu nhập của các hộ làm muối và đánh cá trong phần điều tra tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp hàng năm để tính vào.

Đối với các hộ công thương nghiệp đã vào công tư hợp doanh hay kinh tiêu đại lý, đối với các hợp tác xã sản xuất hay tổ sản xuất thủ công nghiệp, các cửa hàng hợp tác hay tổ hợp tác mua bán, vì thu nhập của họ có thể tính được theo sổ sách của các cơ quan chủ quản nên chú ý tính riêng cho sát thực tế, không nên tính theo tỷ lệ lãi chung của tư thương tự do (phương pháp tính toán cụ thể sẽ có bản hướng dẫn riêng).

4. Thu nhập của nhân dân lao động khác là thu nhập tiền tệ của những người lao động trí óc và chân tay làm nghề tự do (nghề tự do có nghĩa là không nằm trong cơ quan Chính phủ, trong các cơ quan đoàn thể trong các xi nghiệp quốc doanh và tư doanh).

— Loại nhân dân lao động khác gồm những nhân viên y vụ cũ và mới tức là những người làm nghề thuốc đông y (như các thày lang) và tây y (như bác sĩ, y sĩ, hộ sinh...) nghệ nhân dân gian (chỉ kè từ đơn vị gánh hát trở lên, tạm không tính những người đi hát xầm riêng lẻ...), công nhân tàu, bè, xe cộ, công nhân khuân vác, công nhân tạm thời và những người làm nghề khác như công trình sư, giáo sư, nhân viên các trường tư thực.

Tài liệu này vì phân tán nên thu thập tương đối khó khăn, có thể điều tra dien hình một số hộ, trong một số nghề chính ở thị xã (hoặc ở nơi có tập trung những nghề chính cần điều tra) rồi tính suy rộng.

5. Các thu nhập khác: tức là gồm những thu nhập không thể tách riêng để tính vào các khoản thu nhập 1, 2, 3 và 4 đã nói trên được. Gồm có: tiền trợ cấp cứu tế xã hội, tiền chi về công tác lao vụ (như tiền thù lao dân công, đắp đê...), tiền của Ngân hàng và của hợp tác xã tín dụng cho nhân dân vay...

b) PHẦN CHI RA:

1. Chi dùng vào việc mua hàng hóa (sức mua) tính bằng cách lấy tổng số chi về tiền tệ của dân cư trừ phần dự trữ và phần chi dùng không phải để mua hàng hóa.

2. Chi dùng không phải để mua hàng hóa, gồm có: các phi tốn về giáo dục và xem biểu diễn (lấy ở ngành văn hóa, thuế vụ), nguyệt phi (lấy ở các đoàn thể quần chúng) tiền tem thư và phi tốn về ngân vụ, bưu điện, điện thoại, điện báo của dân cư (lấy ở Bưu điện), các khoản tiền thuê nhà, thuê đất và thuê nhà thuê đất, các phi tốn về phục vụ khác như cắt tóc, chiếu bóng... (lấy ở thuế vụ), phi tốn giao thông như đi ô-tô, xích lô, xe điện, xe ngựa (lấy ở ngành giao thông, thuế vụ), tiền điện, tiền nước (lấy ở ngành tài chính hoặc ở ngành chủ quản...) và các khoản chi khác như tiền vệ sinh, tiền thuê xe đạp, tiền đăng ký xe đạp, tiền cúng vào đền chùa, nhà thờ v.v...

3. Dự trữ:

a) Dự trữ của công nhân viên công và tư: lấy số tăng thêm về tiền gửi tiết kiệm ngân hàng (cố thời hạn, không thời hạn...).

b) Dự trữ của dân cư nông nghiệp: nơi nào có tài liệu của Ngân hàng đã điều tra thì sử dụng tài liệu ấy, nơi nào không có thì phải tiến hành điều tra ở một số hộ để tính suy rộng cho một số vùng có khả năng dự trữ ở trong tỉnh (chú ý chỉ tính ở những vùng có khả năng mà không suy rộng cho tất cả các vùng trong toàn tỉnh).

c) Dự trữ của các hộ công thương nghiệp tư doanh: điều tra trong một số hộ rồi tính suy rộng cho toàn số hộ công thương gia hàng lớn và hàng vừa (hộ A và B). Số hộ hàng nhỏ (hộ C) coi như không có dự trữ (dự trữ của công thương gia tinh cả tiền mặt tăng lên và tiền đầu tư thêm vào vốn kinh doanh trong năm).

d) Dự trữ nhân dân lao động khác: coi như không còn dự trữ. Tuy một số nhân viên y vụ mới như bác sĩ, hộ sinh v.v... có thể có dự trữ nhưng nhìn chung số người đó không nhiều lắm nên không tính.

e) Dự trữ của các tập đoàn xã hội: lấy số tiền tăng lên về góp cổ phần ở các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, tiền vốn tăng thêm của các hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp, của các tổ hợp tác mua bán.

IV. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA TÍNH TOÁN

— Tất cả các tỉnh, thành phố, khu đều tiến hành điều tra tính toán và cũng đều là đơn vị tổng hợp.

— Thời gian tiêu chuẩn điều tra: toàn năm dương lịch kể từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm đó.

— Thời gian hạn định công tác điều tra tính toán: bắt đầu vào đầu tháng 12 dương lịch trong năm cho đến 15 tháng 1 đầu năm dương lịch năm sau phải hoàn thành và gửi đầy đủ các biểu mẫu gửi về Cục Thống kê trung ương.

TỔNG HỢP 1

BIỂU CHUNG VỀ UỐC TÍNH SỨC MUA
Tỉnh (thành phố hay khu)... năm...

HẠNG MỤC	Đơn vị	Tổng cộng	Nông thôn	Thành thị
1. Tổng số sức mua		1.000 đ		
a) Sức mua của dân cư				
b) Sức mua của cơ quan				
c) Sức mua ở ngoài vào (+) hoặc từ trong ra (-) (sức mua lưu động).				
— Chênh lệch về tiền gửi vào (+) với tiền gửi đi (-).				
— Chênh lệch về tiền mang vào (+) với tiền mang ra (-).				
2. Sức mua trung bình của mỗi dân cư	Đồng			
3. Số nhân khẩu dân cư	Người			

CHÚ THÍCH:

- Biểu này tập trung biểu hiện sự cấu thành và sự biến đổi về tổng số sức mua của toàn khu vực, nó là một trong những chỗ dựa cho việc xác định tổng mức bán lẻ của xã hội.
- Sức mua của dân cư ghi số chỉ về mua hàng hóa của biểu tổng hợp II, sức mua của cơ quan, đoàn thể xí nghiệp ghi con số tổng cộng sức mua, hàng bán lẻ của biểu tổng hợp III.
- Sức mua ở ngoài vào hoặc từ trong ra là sau khi đã tổng hợp 2 chỉ tiêu chênh lệch về tiền gửi vào với tiền gửi đi và chênh lệch về tiền mang vào với tiền mang ra mà có.
 - Nếu tiền gửi vào (+) nhiều hơn tiền gửi đi (-) thì mức chênh lệch sẽ được cộng thêm (+).
 - Nếu tiền gửi vào (+) ít hơn tiền gửi đi (-) thì mức chênh lệch sẽ được trừ bớt (-).
 - Tính chênh lệch về tiền mang vào (+) và tiền mang đi (-) cũng như trên.

TỔNG HỢP 2

BIỂU CÂN ĐỔI THU CHI TIỀN TỆ CỦA DÂN CƯ
Tỉnh (thành phố hay khu)... năm...

Đơn vị: 1.000 đồng

HẠNG MỤC	Cộng	%	Nông thôn	%	Thành thị	%
A. Tổng cộng thu nhập tiền tệ của dân cư						
1. Thu nhập về tiền lương của công nhân viên						
2. Thu nhập tiền tệ của dân cư nông nghiệp						
3. Thu nhập của các chủ xí nghiệp tư doanh						
4. Thu nhập của nhân dân lao động khác						
5. Các thu nhập khác						
B. Tổng cộng số chi về tiền tệ của dân cư						
1. Chi dùng vào việc mua hàng hóa (sức mua)						
2. Chi dùng không phải để mua hàng hóa						
3. Dự trữ ⁽¹⁾						

GHI CHÚ : (1) Ghi mức tiền tăng lên hoặc giảm bớt so với tiền dự trữ của năm trước (tăng (+); giảm (-)).

09669627

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuViensPhapLuat.com

TỔNG HỢP 3

**BIÊU TỔNG HỢP VỀ SỨC MUA HÀNG
BẢN LỀ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐOÀN THỂ,
TRƯỜNG HỌC, XÍ NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ,
TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT, CÔNG TY
HỢP DOANH**

Ở tỉnh (thành phố hay khu) . . . năm . . .

Đơn vị: 1.000 đồng

HẠNG MỤC	Số tiền
TỔNG CỘNG	
1. Cơ quan hành chính, sự nghiệp và các đoàn thể, trường học công.	
2. Xí nghiệp quốc doanh:	
– Xí nghiệp công nghiệp	
– Xí nghiệp thương nghiệp	
– Xí nghiệp giao thông vận tải	
– Xí nghiệp công trình thủy lợi và kiến trúc	
– Xí nghiệp nông lâm chăn nuôi	
– Xí nghiệp kim dung (ngân hàng)	
– Các xí nghiệp khác.	
3. Hợp tác xã:	
– Hợp tác xã mua bán	
– Hợp tác xã sản xuất công nghiệp	
– Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	
– Các tập đoàn sản xuất	
4. Xí nghiệp công tư hợp doanh	
5. Xí nghiệp tư doanh	
6. Trường học tư	

CHỦ THỊCH: Trong cơ quan đoàn thể có:

- Cơ quan đoàn thể thuộc tài chính địa phương đó cấp phát (1.000đ).
- Cơ quan đoàn thể không thuộc tài chính địa phương đó cấp phát (1.000đ).
- Trong xí nghiệp tư doanh có cả tư bản nhà nước loại kinh tiêu đại lý.

CHỈ THỊ số 440-TTg ngày 9-12-1959 về việc chỉnh đốn chế độ tổng hợp và quản lý kế hoạch lao động tiền lương, quản lý quỹ tiền lương.

Trong năm 1959 các cấp, các ngành đã bắt đầu chú ý đến công tác lao động tiền lương về mặt nghiên cứu thực hiện chính sách, chế độ cũng như về mặt làm kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

Nhưng hiện nay vấn đề phân công đối với việc tổng hợp kế hoạch và quản lý kế hoạch lao động

tiền lương giữa các cơ quan có trách nhiệm về vấn đề này ở các cấp, các ngành, các xí nghiệp, công trường, nông trường chưa phân định rõ. Việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch lao động tiền lương trong mỗi đơn vị giữa các bộ phận: kế hoạch, nhân sự chế độ, tài vụ thiếu một tổ chức có trách nhiệm tổng hợp và quản lý thống nhất toàn bộ các kế hoạch thuộc về lao động tiền lương để giúp các cấp, các ngành theo dõi được tình hình chung và chỉ đạo đối với việc tổng hợp xét duyệt kế hoạch lao động tiền lương và quản lý kế hoạch.

Tình trạng trên đây nếu không kịp thời chỉnh đốn sẽ có ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch lao động tiền lương và quan hệ trực tiếp đến việc nghiên cứu lãnh đạo công tác cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương năm 1960 theo nghị quyết Trung ương lần thứ 14.

Thủ tướng Chính phủ thấy cần thiết phải chỉnh đốn chế độ tổng hợp và quản lý kế hoạch lao động tiền lương ở các cấp, các ngành theo các nguyên tắc sau đây:

1. Về trách nhiệm tổng hợp và quản lý kế hoạch lao động tiền lương:

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch cấp tỉnh, các Vụ, Phòng... kế hoạch ở các ngành, các cấp, các đơn vị công trường, nông trường, lâm trường, xí nghiệp là những tổ chức chuyên môn có trách nhiệm giúp Chính phủ, các Bộ, Ban, các Ủy ban Hành chính các cấp tổng hợp và quản lý toàn bộ công tác kế hoạch trong đó có kế hoạch thuộc lao động tiền lương. Nhưng trực tiếp lập các dự án kế hoạch lao động tiền lương cho Bộ, ngành và từng đơn vị, xí nghiệp thì sẽ do các bộ phận làm công tác tổ chức nhân sự phụ trách và gửi cho các cơ quan kế hoạch tổng hợp theo các dự án kế hoạch khác của ngành, đơn vị xí nghiệp.

Tất cả những vấn đề có liên quan đến vấn đề lập dự án kế hoạch, tổng hợp kế hoạch và quản lý kế hoạch lao động tiền lương hoặc giải quyết các vấn đề có liên quan đến các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế quốc dân và vấn đề quản lý quỹ tiền lương sẽ do Ủy ban Kế hoạch các cấp giúp các cấp ủy Đảng và Ủy ban Hành chính các cấp giải quyết theo phạm vi trách nhiệm của mỗi cấp. Khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến kế hoạch lao động tiền lương và quản lý quỹ tiền lương, các cấp chính quyền cần phải chú ý sử dụng hệ thống kế hoạch các cấp, các ngành để bảo đảm việc quản lý tập trung thống nhất kế hoạch lao động tiền lương và quản lý quỹ tiền lương của Nhà nước.

Việc tổng hợp kế hoạch lao động tiền lương của các cơ quan hành chính các cơ quan của các Đảng